

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11/02/2026
V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung
khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3-NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Khắc Thái

Ông Nguyễn Văn Phiếu

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3-Ninh Bình

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Ninh Bình tham gia phiên
tòa:* Bà Nguyễn Thu Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*” theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 10/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2026, Q định hoãn phiên tòa số 08/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh ngày 22/8/1992. Nơi cư trú: Xóm Q, xã G, tỉnh N1 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Trần Đình Q, sinh ngày 30/12/1988. Địa chỉ: Xóm Q, xã G, tỉnh N1 (Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Q được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đăng ký kết hôn ngày 27/05/2011 tại UBND xã Q1, huyện N2, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hòa thuận hạnh phúc tại xã G, huyện G1, tỉnh N1 được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi chửi, đánh chửi nhau. Trong thời gian sinh sống, hai vợ chồng chị mâu thuẫn càng trầm trọng khiến không khí gia đình căng thẳng, đã rất nhiều lần anh chị đã ly thân nhưng vì thương con nên chị đã hàn gắn về ở với nhau nhưng không được. Kể từ tháng 04 năm 2025, vợ chồng anh chị sống ly thân và chị đã không còn ở với anh Q. Đến tháng 8/2025, chị đã về để sinh sống nhưng đến tháng 12 năm 2025 chị thấy không thể nào hàn gắn được nên đã chuyển ra để ở riêng cho đến nay. Xét thấy nay mâu thuẫn đã căng thẳng, trầm trọng

không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa nên chị làm đơn đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Trần Đình Q.

+ Về con chung: Chị S và anh Q có 03 con chung là cháu Trần Anh C, sinh ngày 13/12/2013; cháu Trần Nguyễn K, sinh ngày 21/10/2015 và cháu Trần Duy N sinh ngày 21/11/2017. Hiện cả 03 cháu đang ở với anh Q. Nếu ly hôn chị đồng ý với nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu C, cháu K, cháu N của anh Trần Đình Q cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị S không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Q không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải Q.

Tại đơn xin xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị S vẫn đề nghị Tòa án giải Q cho chị được ly hôn với anh Trần Đình Q vì tình cảm anh chị không còn. Về con chung chị đồng ý với nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu C, cháu K, cháu Nam của anh Trần Đình Q cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị S không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Q không yêu cầu. Về tài sản chung và công nợ chung: chị S không đề nghị tòa án giải Q.

Về phía bị đơn anh Trần Đình Q: Quá trình giải Q vụ án, tại bản tự khai, phiên hòa giải, anh Trần Đình Q trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: anh Q xác định thời điểm đăng ký kết hôn, địa điểm chung sống của vợ chồng cũng như diễn biến quan hệ hôn nhân gia đình đúng như chị S đã trình bày ở trên. Nay chị S làm đơn xin ly hôn anh, anh xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng và có thể hàn gắn được nữa. Do vậy, anh Q không nhất trí ly hôn. Đề nghị Tòa án bác đơn ly hôn của chị S.

+ Về con chung: Anh Q và chị S có 03 con chung là cháu Trần Anh C, sinh ngày 13/12/2013; Trần Nguyễn K, sinh ngày 21/10/2015; Trần Duy N sinh ngày 21/11/2017. Hiện cả 03 cháu đang ở với anh. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu C, cháu K, cháu Nam cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải Q.

Tại phiên tòa ngày 06/02/2026, bị đơn anh Trần Đình Q mặc dù đã được Tòa án triệu tập và thông báo hợp lệ nhưng vẫn không có mặt tại phiên tòa nên Tòa án đã hoãn phiên tòa và ấn định ngày 11/02/2026 tiến hành xét xử và anh Q cũng được triệu tập và thông báo hợp lệ nhưng vẫn không có mặt nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Ninh Bình tham gia tố tụng tại phiên tòa giải Q vụ án sơ thẩm phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải Q vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị Q 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn đối với anh Trần Đình Q.

2. Về con chung: Giao cho anh Trần Đình Q trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục đối với các cháu Trần Anh C, sinh ngày 13/12/2013; Trần Nguyễn K, sinh ngày 21/10/2015; Trần Duy N, sinh ngày 21/11/2017 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con.

“Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở giáo dục con; Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể Q định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Thị S phải nộp toàn bộ án phí ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại phòng thi hành án dân sự khu vực 3- Ninh Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề phải giải Q trong vụ án như sau:

[1].*Về áp dụng pháp luật tố tụng:*

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải Q vụ án: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, Tòa án nhân dân khu vực 3- Ninh Bình giải Q vụ án là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Ngày 23/01/2026, nguyên đơn chị Nguyễn Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định Điều 227; khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị S.

- Anh Trần Đình Q là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự

[2].*Về áp dụng pháp luật nội dung:*

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị S và anh Trần Đình Q được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 27/05/2011 tại UBND xã Q1, huyện N2, tỉnh Ninh Bình (nay là xã Q1, tỉnh Ninh Bình) trên cơ sở tự nguyện, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 27/05/2011. Đây là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị S và anh Q chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không có tiếng nói chung. Trong thời gian sinh sống hai vợ chồng anh chị mâu thuẫn càng trầm trọng khiến không khí gia đình căng thẳng, đã rất nhiều lần anh chị đã ly thân nhưng vì thương con nên chị đã hàn gắn về ở với nhau nhưng không được. Tháng 04 năm 2025, vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, anh chị sống ly thân và chị đã không còn ở với anh Q. Đến tháng 8/2025, chị S đã về để sinh sống cùng anh Q nhưng đến tháng 12 năm 2025, chị thấy vợ chồng không thể nào hàn gắn được nên chị đã chuyển ra để ở riêng cho đến nay. Xét thấy nay mâu thuẫn đã căng thẳng, trầm trọng không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa nên chị làm đơn này đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Trần Đình Q.

Quá trình giải Q vụ án, anh Trần Đình Q xác định thời điểm đăng ký kết hôn, địa điểm chung sống của vợ chồng cũng như diễn biến quan hệ hôn nhân gia đình đúng như chị S đã trình bày. Nay chị S làm đơn xin ly hôn anh, anh xác định mâu thuẫn vợ chồng là có và có sự việc chị S bỏ nhà đi không về, bỏ bê con cái từ tháng 4/ 2025 cho đến nay. Từ đó đến nay, chị S không quan tâm đến chồng con nữa nhưng anh vẫn xác định hôn nhân của anh chị chưa trầm trọng và có thể hàn gắn được. Do vậy, anh Q không nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án bác đơn ly hôn của chị S.

Chính quyền địa phương nơi anh Q và chị S trước khi bỏ nhà đi cư trú cũng xác nhận anh Q và chị S có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q1, huyện N1 (nay là xã Q1, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn, anh chị có sinh sống tại xóm Q, xã G, huyện G1 (nay là xã G2, tỉnh Ninh Bình). Trong quá trình sinh sống, chị S và anh Q có xảy ra mâu thuẫn nhưng cụ thể như thế nào thì cơ sở thôn cũng như chính quyền địa phương không nắm rõ, không biết và không có báo cáo với chính quyền địa phương. Hiện nay chị S không còn chung sống cùng anh Q tại thôn Q, xã G2, tỉnh Ninh Bình. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của chị S và anh Q là có thực, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không còn duy trì được nên có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị S, xử cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Trần Đình Q là phù hợp Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị S và anh Trần Đình Q có 03 con chung là cháu Trần Anh C, sinh ngày 13/12/2013; Trần Nguyễn K, sinh ngày 21/10/2015; Trần Duy N, sinh ngày 21/11/2017. Hiện nay 03 cháu C, cháu K và cháu N đang ở với anh Q. Từ khi chị S dọn ra chỗ khác ở, không còn ở với anh Q từ tháng 04 năm 2025 cho đến nay thì 03 cháu do anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Q đề nghị nuôi cả hai cháu. Chị S cũng đồng ý để anh Q nuôi dưỡng chăm sóc 03 cháu. Xét thấy anh Q có thu nhập ổn định, đủ điều kiện đảm bảo cuộc sống cho các cháu và chị S cũng đồng ý. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án giao cho anh Trần Đình Q trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục đối với các cháu Trần Anh C, sinh

ngày 13/12/2013; Trần Nguyễn K, sinh ngày 21/10/2015; Trần Duy N, sinh ngày 21/11/2017 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: anh Q không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

[2.2]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị S không yêu cầu do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về án phí:

- Án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị S chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 35, Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị Q 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn đối với anh Trần Đình Q. Quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị S và anh Trần Đình Q chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho anh Trần Đình Q trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục đối với các cháu Trần Anh C, sinh ngày 13/12/2013; Trần Nguyễn K, sinh ngày 21/10/2015; Trần Duy N, sinh ngày 21/11/2017 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *“Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở giáo dục con; Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”*

- Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể Q định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị S không yêu cầu, không xem xét giải Q.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí tại Phòng thi hành án Dân sự khu vực 3- Ninh Bình theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003718 ngày 18 tháng 12 năm 2025.

Án xử công khai sơ thẩm, chị S và anh Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Q định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND KV3-Ninh Bình;
- THA tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lâm Thị Thanh Nhân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lâm Thị Thanh Nhàn

